

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-02-2018

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Tống Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 09/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 693/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Cự Ngọc D – Sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T – Sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn - Chị Ngô Cự Ngọc D trình bày:**

Chị Ngô Cự Ngọc D và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/02/2000. Quá trình duy trì hôn nhân vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh T không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình, cứ mỗi năm anh T bỏ đi một hay hai lần vì trốn nợ do bài bạc, cá độ thua. Anh T để lại nợ cho chị D phải trả, cứ như vậy cho tới nay đã gần 18 năm. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay, chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị D không còn tình cảm, tình thương yêu với anh T nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Trần Khánh N, sinh ngày: 08/02/2002. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi cháu N đến

tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị D đang làm tại Công ty xổ số Đắc Lắc, thu nhập trung bình khoảng 4.000.000/tháng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

* **Bị đơn anh Trần Văn T** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Cự Ngọc D là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Ngô Cự Ngọc D và anh Trần Văn T chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc vào ngày 01/02/2000. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tiếng nói chung, anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bài bạc, cá độ thua sau đó bỏ nhà đi để trốn nợ, để một mình chị D phải đứng ra trả nợ thay nhiều lần. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Nay chị D xin ly hôn với anh T và xin nuôi con chung là cháu Trần Khánh N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình xác minh tại địa phương cung cấp: Vợ chồng bà D và ông T trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn; bà D làm đơn ly hôn ông T nhưng không yêu cầu hòa giải ở địa phương mà chuyển đến Tòa án giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy; Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngô Cự Ngọc D và anh Trần Văn T đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh T của chị D.

Về con chung: Chị Ngô Cự Ngọc D và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Khánh N, sinh ngày: 08/02/2002. Hiện cháu N đang sống cùng với chị D và nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu N nên giao cháu Trần Khánh N cho chị Ngô Cự Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Cự Ngọc D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Ngô Cự Ngọc D và anh Trần Văn T.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung cháu Trần Khánh N, sinh ngày: 08/02/2002 cho chị Ngô Cự Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2 Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Cự Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Ngô Cự Ngọc D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự

thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2016/0000813 ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố.B;
- UBND phường T, thành phố.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thị Trúc